

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỖ LỆ HÀ

XÂY DỰNG BỘ TIÊU CHÍ
ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIÊN TIẾN
KHỐI NGÀNH KỸ THUẬT Ở VIỆT NAM

Chuyên ngành: Lý luận và Lịch sử giáo dục
Mã số: 62 14 01 02

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

THÁI NGUYÊN - 2016

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Phạm Hồng Quang

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Đại học
học tại Trường Đại học Sư phạm, ĐHTN
Vào hồi, ngày tháng năm 2016

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- **Thư viện Quốc gia Việt Nam;**
- **Trung tâm học liệu - ĐHTN;**
- **Thư viện Trường Đại học Sư phạm.**

CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Phạm Hồng Quang, Đỗ Lệ Hà (2011), “Vấn đề xây dựng môi trường văn hóa học tập cho sinh viên chương trình tiên tiến”, *Tạp chí Giáo dục*, 271, tr. 1-3.
2. Phan Quang Thế, Đỗ Lệ Hà (2013), “Advanced Program at Thai Nguyen University of Technology (TNUT) an effective way for international collaborations”, *Australia Awards Alumni Conference 2013, Indonesia*, pp. 28-29.
3. Đỗ Lệ Hà (2014), “Định hướng quản lý, tổ chức đào tạo chương trình tiên tiến đáp ứng những yêu cầu cơ bản của kiểm định chương trình ABET”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Đại học Thái Nguyên, 125 (11), tr. 121-125.
4. Đỗ Lệ Hà (2016), “Xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình tiên tiến khối ngành Kỹ thuật tại Việt Nam”, *Tạp chí Thiết bị giáo dục*, số 125, tháng 1, tr. 24-26.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong giáo dục- đào tạo đại học, đánh giá được hiểu là quá trình hình thành những nhận định, phán đoán về kết quả đào tạo, dựa vào sự phân tích những thông tin thu được đối chiếu với mục tiêu tiêu chuẩn đề ra nhằm đề xuất những quyết định thích hợp để cải thiện thực trạng điều chỉnh nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Đánh giá là một bộ phận không thể tách rời quá trình đào tạo. Vì vậy, đánh giá được coi là khâu đột phá trong đổi mới căn bản toàn diện giáo dục ở các trường đại học hiện nay. Đánh giá chương trình đào tạo có vai trò vô cùng quan trọng, giúp cơ sở đào tạo không ngừng cải tiến trong phát triển chương trình và đổi mới quá trình đào tạo đại học. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai thử nghiệm 35 Chương trình đào tạo tiên tiến tại 23 trường đại học hàng đầu trong cả nước. Các CTTT được nhập khẩu vào giảng dạy ở các trường đại học ở Việt Nam cơ bản đều là những chương trình của những trường được xếp hạng trong Top 100 trường đại học tốt nhất của Hoa Kỳ và đều đã được kiểm định chất lượng ABET. Tuy nhiên, việc kiểm định trong điều kiện nguồn lực thực hiện của nước ngoài hoàn toàn khác với điều kiện thực hiện của Việt Nam, vì vậy cần phải xây dựng một bộ công cụ kiểm định CTTT trong điều kiện thực hiện của Việt Nam nhằm đánh giá tính hiệu quả, tính khả thi và nhân rộng dự án về triển khai chương trình đào tạo tiên tiến ở các trường đại học của Việt Nam hiện nay. Để góp phần thực hiện nhiệm vụ nêu trên, chúng tôi chọn đề tài "Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chương trình đào tạo tiên tiến khối ngành Kỹ thuật ở Việt Nam".

2. Mục đích nghiên cứu: Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá CTTT khối ngành kỹ thuật ở Việt Nam.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu: Quá trình đánh giá CTTT khối ngành kỹ thuật và công cụ đánh giá CTTT khối ngành kỹ thuật.

3.2. Đối tượng nghiên cứu: Nội dung bộ tiêu chí đánh giá CTTT khối ngành kỹ thuật ở các trường đại học của Việt Nam.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu: Nghiên cứu cơ sở lý luận về đánh giá CTTT; phân tích thực tiễn triển khai và đánh giá chương trình đào tạo tiên tiến ở Việt Nam; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá CTTT khối ngành Kỹ thuật ở các trường đại học của Việt Nam; thử nghiệm kiểm chứng tính thực tiễn và tính khả thi của bộ tiêu chí đề xuất.

5. Giả thuyết khoa học: xây dựng bộ tiêu chí đánh giá CTTT khối ngành kỹ thuật phù hợp với điều kiện và nguồn lực tổ chức đào tạo tại Việt Nam thì sẽ góp phần cải tiến nâng cao chất lượng thực hiện CTTT ở các trường đào tạo kỹ thuật của Việt Nam.

6. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá CTTT khối ngành kỹ thuật ở Việt Nam dựa trên cơ sở phân tích các mô hình đánh giá chương trình đào tạo, các bộ tiêu chí đánh giá chương trình đào tạo của một số nước trên thế giới.

- Phạm vi khảo sát: Tiến hành khảo sát một số trường triển khai Chương trình đào tạo tiên tiến thuộc khối ngành Kỹ thuật và một số cơ sở đào tạo Chương trình đào tạo tiên tiến khác.

7. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu

7.1. Quan điểm tiếp cận vấn đề nghiên cứu

Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá CTTT trong mối quan hệ với điều kiện tổ chức thực hiện, trong mối quan hệ với hoạt động tự đánh giá chương trình và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, trong mối quan hệ biện chứng với việc hoàn thiện và phát triển chương trình, trong mối quan hệ với mô hình đánh giá chương trình của Việt Nam và thế giới.

7.2. Các phương pháp nghiên cứu

7.2.1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết

7.2.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

7.2.3. Các phương pháp bổ trợ

8. Những luận điểm cần bảo vệ

Đánh giá CTTT giúp Nhà trường phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu, cải tiến nâng cao chất lượng CTĐT, hướng tới kiểm định chất lượng chương trình và công khai hóa chất lượng đào tạo. Đánh giá CTTT được tiến hành theo quy trình xác định và tuân theo những nguyên tắc để đảm bảo tính khách quan, tính phát triển và tính chính xác, v.v... đồng thời nó phụ thuộc vào bộ tiêu chí đánh giá.

Thực tế CTTT được triển khai ở các trường đại học của Việt Nam có nhiều ưu điểm, tuy nhiên vẫn tồn tại những bất cập, hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục đào tạo chưa được

quan tâm, chưa hiệu quả, nguyên nhân chưa có một bộ tiêu chí đánh giá phù hợp với CTTT.

Xây dựng bộ tiêu chí được dựa trên sự kế thừa các mô hình đánh giá chương trình của các nước tiên tiến trên thế giới và điều kiện thực hiện chương trình đào tạo tiên tiến, môi trường văn hóa giáo dục của Việt Nam là công cụ giúp cơ sở đào tạo tự đánh giá chương trình và hướng tới kiểm định chất lượng chương trình đào tạo tiên tiến khối ngành kỹ thuật tại Việt Nam.

9. Những đóng góp của luận văn

Hoàn thiện cơ sở lý luận về đánh giá CTTT và cơ sở lý luận của xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá CTTT. Phát hiện các vấn đề bất cập trong tổ chức thực hiện và đánh giá CTTT. Đề xuất bộ tiêu chí đánh giá chương trình đào tạo tiên tiến khối ngành kỹ thuật ở Việt Nam.

10. Cấu trúc của luận văn: gồm 3 phần

Ngoài phần mở đầu, kết luận, khuyến nghị luận án gồm 4 chương: Chương 1: Cơ sở lý luận của xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chương trình đào tạo tiên tiến; Chương 2: Thực trạng triển khai và đánh giá chương trình đào tạo tiên tiến khối ngành kỹ thuật ở Việt Nam; Chương 3: Triển khai xây dựng và đề xuất bộ tiêu chí đánh giá chương trình đào tạo tiên tiến khối ngành kỹ thuật ở Việt Nam; Chương 4: Thử nghiệm bộ tiêu chí đánh giá chương trình đào tạo tiên tiến khối ngành kỹ thuật ở Việt Nam.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA XÂY DỰNG BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIÊN TIẾN

1.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

1.1.1. Tổng quan các vấn đề nghiên cứu trên thế giới

1.1.1.1. Nghiên cứu về chương trình

Có nhiều nghiên cứu về vấn đề này như: “*Chương trình đào tạo*”, John Frank Bobbit (1876); “*Curriculum Development: Deductive Models*” Fred C. Lunenburg (2011); “*Curriculum Theory and Multicultural Education*”, Genva Gay (1980); “*Xây dựng chương trình học, hướng dẫn thực hành*”, Jon Wiles, Joseph Bondi (2006), nhìn chung những nghiên cứu gồm các hướng sau: **Hướng thứ nhất**: Nghiên cứu chương trình theo cách tiếp cận nội dung; **Hướng thứ 2**: Nghiên cứu chương trình theo cách tiếp cận mục tiêu; **Hướng thứ 3**: Nghiên cứu chương trình theo tiếp cận phát triển.

1.1.1.2. Nghiên cứu về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT

Các nghiên cứu về vấn đề này như: “*Basic Principles of Curriculum and Instruction*”, Ralf Tyler (1949); “*Quản lý chất lượng trường học*”, Warren Piper (1993); “*Quality Assurance in training and education*”, Freeman R. (1994); “*International developments in assuring quality in higher education*”, Craft A. (1994), tựu chung theo các hướng nghiên cứu: **Hướng nghiên cứu 1:** Theo hướng tiếp cận bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng thông qua việc đảm bảo chất lượng bên trong và bên ngoài Nhà trường; **Hướng nghiên cứu 2:** Theo chuẩn đầu ra với bộ tiêu chí đo; **Hướng nghiên cứu 3:** Theo kết quả đạt được ở người học và sự phát triển liên tục của chương trình đào tạo.

1.1.2. Tổng quan các vấn đề nghiên cứu của Việt Nam

1.1.2.1. Nghiên cứu về chương trình: Các tác giả đã nghiên cứu về chương trình như “*Xây dựng chương trình*”, Nguyễn Kim Dung (2004); “*Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*”, Trần Khánh Đức (2014); “*Phát triển chương trình đào tạo giáo viên những vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Phạm Hồng Quang (2013); “*Phát triển chương trình đào tạo đại học theo định hướng đáp ứng chuẩn đầu ra*”, Nguyễn Thanh Sơn (2014); các tác giả đã tập trung triển khai nghiên cứu ứng dụng của chương trình của các nước trên thế giới vận dụng vào Việt Nam, phân tích mối quan hệ giữa chương trình đào tạo với tổ chức dạy học; Cách thức chuyển đổi từ chương trình niên chế sang chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ; Đánh giá chương trình hiện hành của một số chuyên ngành đào tạo và chỉ ra cách tiếp cận phát triển chương trình đáp ứng yêu cầu đào tạo và nhu cầu của xã hội.

1.1.2.2. Nghiên cứu về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT

Các nghiên cứu về tiêu chuẩn đánh giá như: “*Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo dùng cho các trường ĐH Việt Nam*”, Nguyễn Đức Chính, Nguyễn Phương Nga (2010); “*Về một số khái niệm thường dùng trong đảm bảo chất lượng giáo dục đại học*”, Nguyễn Kim Dung và Phạm Xuân Thanh (2003); “*Đánh giá chương trình đào tạo: khái niệm, nguyên tắc, qui trình, loại hình, phương pháp*”, Trần Bích Liễu (2007). Các tác giả đã tổng hợp những nghiên cứu về đánh giá chương trình tại Việt Nam triển khai theo tiếp cận mục tiêu, tập trung vào tham khảo, vận dụng các mô hình đánh giá chương trình của các nước trên thế giới vào đánh giá chương trình của Việt Nam; tiếp cận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của từng chuyên ngành do các trường đại học xây

dựng. Tuy nhiên, chưa có một nghiên cứu nào nghiên cứu về đánh giá các chương trình liên kết đào tạo, CTTT.

1.2. Các khái niệm cơ bản

1.2.1. Chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo được hiểu là một văn bản thể hiện tổng thể các thành phần của một quá trình đào tạo, cách thức, điều kiện, quy trình tổ chức và đánh giá để đảm bảo thực hiện được mục tiêu của đào tạo.

1.2.2. Chương trình đào tạo tiên tiến: “Chương trình đào tạo tiên tiến được áp dụng thực hiện là chương trình do các trường đại học thiết kế, xây dựng phù hợp dựa trên cơ sở chương trình đào tạo đang được áp dụng ở các trường đại học tiên tiến trên thế giới, kể cả nội dung, phương pháp giảng dạy, quy trình tổ chức và quản lý đào tạo và được giảng dạy bằng tiếng Anh; có các môn học Khoa học Mác - Lênin theo quy định bắt buộc đối với sinh viên Việt Nam”.

1.2.3. Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

1.2.3.1. Đánh giá trong giáo dục: Kết quả của đánh giá chất lượng đào tạo cũng giúp cho các trường khắc phục những điểm hiện còn hạn chế nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động.

1.2.3.2. Đánh giá chương trình đào tạo: là quá trình hình thành nên những nhận định, phán đoán về CTĐT dựa vào quá trình thu thập thông tin về đầu vào, quá trình tổ chức thực hiện, sản phẩm đầu ra, sự đáp ứng yêu cầu của sản phẩm đào tạo so với mục tiêu đào tạo và yêu cầu của xã hội trong mối quan hệ với sứ mạng, các điều kiện nguồn lực thực hiện chương trình của cơ sở giáo dục, chỉ ra những điểm mạnh, tồn tại, kế hoạch khắc phục để phát triển chương trình đào tạo nâng cao chất lượng.

1.2.4. Đánh giá chương trình đào tạo tiên tiến: là quá trình hình thành nên những nhận định, phán đoán về CTĐT dựa trên thu thập thông tin, dữ liệu, minh chứng về việc thực hiện các mục tiêu, kế hoạch đào tạo của chương trình trong mối quan hệ chặt chẽ với hoàn cảnh, sứ mạng và các giá trị của trường đại học, xác định mức độ đạt chuẩn đầu ra của chương trình và sự phù hợp của CTTT ở Việt Nam, chỉ ra những ưu điểm, tồn tại của chương trình và đề xuất kế hoạch khắc phục tồn tại, cải tiến, phát triển chương trình đào tạo nâng cao chất lượng chương trình đào tạo tiên tiến ở Việt Nam.

1.2.5. Tiêu chuẩn, tiêu chí

Tiêu chuẩn là mức độ yêu cầu và điều kiện mà chương trình cần đáp ứng để được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Tiêu chí là mức độ yêu cầu và điều kiện cần đạt được ở một khía cạnh cụ thể của tiêu chuẩn.

1.3. Các mô hình đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình giáo dục đại học tại một số quốc gia trên thế giới

1.3.1. Các mô hình đánh giá chất lượng chương trình

- **Loại mô hình:** Mô hình nhận thức; Mô hình thủ tục; Mô hình toán học.

- **Một số mô hình đánh giá chương trình tiêu biểu:** Mô hình Tyler (1949); Mô hình đánh giá CIPP (1971); Mô hình đánh giá của Mỹ (USA Evaluating Model); Mô hình các yếu tố tổ chức (Organizational Elements Model); Mô hình Kirkpatrick (1975); Mô hình đánh giá Saylor, Alexander và Lewis (1981). Từ việc phân tích các mô hình đánh giá chất lượng đào tạo như trên, có thể thấy các mô hình mặc dù được thể hiện bằng các tên gọi khác nhau, cách thể hiện nội dung khác nhau, nhưng về bản chất thì đều tập trung vào xác định mục tiêu đánh giá, đối tượng đánh giá, đánh giá đầu vào, đánh giá quá trình và hiệu quả của tổ chức đào tạo.

1.3.2. Kiểm định chất lượng chương trình giáo dục đại học tại một số quốc gia trên thế giới

1.3.2.1. Kiểm định chất lượng giáo dục ở Hoa Kỳ

Kiểm định của Hoa Kỳ được thực hiện nhằm thỏa mãn 2 mục đích chính là “1) đảm bảo cho trước các bên tham gia vào công tác giáo dục rằng một chương trình đào tạo hay một trường nào đó đã đạt được hay vượt quá những chuẩn mực nhất định trong chất lượng. 2) Hỗ trợ trường liên tục cải tiến chất lượng”.

1.3.2.2. Kiểm định chất lượng chương trình giáo dục đại học ở Áo

1.3.2.3. Kiểm định chất lượng giáo dục ở Phần Lan

1.4. Cơ sở khoa học của việc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chương trình đào tạo tiên tiến

1.4.1. Đặc điểm của chương trình đào tạo tiên tiến

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; Được thiết kế hoặc nhập khẩu từ các nước tiên tiến nhưng lại được tổ chức thực hiện trong điều kiện và môi trường văn hóa giáo dục của Việt Nam; sử dụng giáo trình bằng

tiếng Anh theo chương trình của một số nước tiên tiến; Đánh giá quá trình là chính; Chuẩn đầu ra tiếng Anh khi tốt nghiệp bắt buộc; Môi trường học tập được tập trung ưu tiên, hiện đại; giảng viên là người nước ngoài; được bồi dưỡng cả ở trong nước và nước ngoài; giảng viên phải NCKH nhiều.

1.4.2. Điều kiện triển khai: ngoài yếu tố cơ sở vật chất phục vụ cho các CTTT ở Việt Nam được đầu tư mới, cơ bản tương ứng với các trường Đại học của Hoa Kỳ, còn lại có khá nhiều sự khác biệt từ mục tiêu giáo dục đến trình độ tuyển sinh đầu vào, năng lực giảng dạy của giảng viên, môi trường giảng dạy, các yếu tố quản lý và văn hóa giáo dục.

1.5. Bộ công cụ đánh giá chương trình: Bộ tiêu chí kiểm định ABET; Bộ tiêu chí kiểm định AUN - AQ; Bộ công cụ đánh giá của Việt Nam.

Kết luận chương 1: Luận án đã tập trung làm rõ những khái niệm liên quan đến chương trình đào tạo, phát triển chương trình đào tạo, chương trình tiên tiến, kiểm định, đánh giá chương trình đào tạo; mô tả một số mô hình về kiểm định chất lượng.

Chương 2

THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIÊN TIẾN KHỎI NGÀNH KỸ THUẬT Ở VIỆT NAM

2.1. Thực trạng triển khai CTTT khỏi ngành Kỹ thuật ở Việt Nam

2.1.1. Các trường đối tác nước ngoài

2.1.2. Tuyển sinh

2.1.3. Quản lý đào tạo

2.1.4. Tổ chức đào tạo

2.1.4.1. Phát triển chương trình đào tạo

2.1.4.2. Giáo trình, tài liệu tham khảo

2.1.4.3. Tổ chức giảng dạy

2.1.4.4. Tổ chức đánh giá

2.1.4.5. Mời giảng viên nước ngoài đến giảng dạy

2.1.5. Bồi dưỡng đội ngũ

2.1.6. Công tác NCKH và chuyển giao công nghệ

2.1.7. Kết quả tốt nghiệp và việc làm của SV sau tốt nghiệp

2.2. Thực trạng đánh giá CTTT khối ngành Kỹ thuật ở Việt Nam

2.2.1. Thực trạng về tự đánh giá CTTT

2.2.1.1. Cách thức, nội dung, bộ công cụ, tiêu chí đánh giá

- Cách thức tự đánh giá: Theo 2 cách:

Cách 1: Các trường đang triển khai CTTT tự chấm điểm theo mẫu đánh giá của Bộ. Cách này thực hiện bắt buộc đối với toàn thể các CTTT; Cách 2: Các trường phối hợp với trường đối tác, tự xây dựng bộ tiêu chí, tự tổ chức đánh giá. Cách làm này do các trường tự triển khai.

- *Nội dung đánh giá*: Đánh giá chất lượng chương trình thông qua việc đánh giá của giảng viên và sinh viên về CTTT, đánh giá năng lực giảng viên và sinh viên về tình hình triển khai của các CTTT.

- *Bộ công cụ, tiêu chí đã sử dụng*: phiếu đánh giá

2.2.1.2. Thực trạng của tự đánh giá

- Đánh giá của giảng viên và sinh viên về CTTT; về tình hình hoạt động của các CTTT; hai trường tự xây dựng bộ tiêu chí đánh giá.

2.1.1.3. Mức độ phù hợp

2.2.2. Thực trạng về đánh giá ngoài CTTT

2.2.2.1. Cách thức, nội dung, bộ tiêu chí đánh giá

- Cách thức: thường được đánh giá theo AUN; Nội dung đánh giá: Đánh giá chất lượng CTTT để nâng cao chất lượng các CTĐT đạt chuẩn mực khu vực Đông Nam Á.

- Bộ tiêu chí đã sử dụng: Bộ tiêu chí đánh giá của AUN.

2.2.2.2. Thực trạng đánh giá

Đến thời điểm tháng 10/2015, trong tổng số 18 CTTT khối ngành kỹ thuật, mới chỉ có 2 ngành (Công nghệ sinh học và Công nghệ thông tin) đã nhận được giấy chứng nhận đối với các chương trình đạt yêu cầu của AUN. Bốn chương trình cơ bản đã hoàn thành xong báo cáo tự đánh giá, 12 chương trình đang trong quá trình triển khai, đã cử cán bộ đi tập huấn, chuẩn bị tự báo cáo để tiến hành đánh giá ngoài vào năm học 2015-2016.

2.2.2.3. Mức độ phù hợp:

2.3. Những khó khăn trong đánh giá CTTT: CTTT là một nhân tố mới của giáo dục đại học Việt Nam; tuy nhiên còn hạn chế về nguồn nhân lực triển khai kiểm định, quản lý và tiếp nhận văn hóa mới.

2.4. Đánh giá chung về đánh giá CTTT: Việc đánh giá, kiểm định CTTT đã nhận được sự quan tâm của các cấp. Đối với việc đánh giá ngoài hầu hết các Trường đều hướng theo đánh giá của AUN, chưa có một Trường nào triển khai đánh giá theo tiêu chuẩn của Hoa Kỳ.

Kết luận Chương 2: Tác giả đã trình bày và phân tích vào thực trạng triển khai và đánh giá CTTT ở Việt Nam. Tác giả cũng chỉ ra những khó khăn trong việc đánh giá CTTT khối ngành kỹ thuật và đề xuất bộ tiêu chí đánh giá CTTT cũng như phù hợp với giáo dục đại học Việt Nam.

Chương 3

TRIỂN KHAI XÂY DỰNG VÀ ĐỀ XUẤT BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CTTT KHỐI NGÀNH KỸ THUẬT Ở VIỆT NAM

3.1. Những nguyên tắc và những yêu cầu cơ bản đối với xây dựng bộ tiêu chí đánh giá

3.1.1. Những nguyên tắc cần quán triệt

3.1.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa

3.1.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích

3.1.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống

3.1.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả

3.1.1.5. Nguyên tắc đảm bảo tính khách quan

3.1.2. Yêu cầu về nội dung bộ tiêu chí: phải phản ánh được mục tiêu của chương trình đào tạo, được tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường; đầy đủ hệ thống các tiêu chuẩn, tiêu chí; lượng hóa thành thang điểm; phải cụ thể được hệ thống thông tin và minh chứng.

3.1.3. Yêu cầu về năng lực chuyên gia: có năng lực kỹ thuật phù hợp, có trình độ cao; am hiểu về chương trình đào tạo, về thực tiễn giáo dục đại học Việt Nam, về đánh giá chương trình, lý thuyết về đánh giá chương trình và am hiểu về CTTT.

3.1.4. Các yếu tố ảnh hưởng

3.2. Đề xuất bộ tiêu chí: gồm 9 tiêu chuẩn và 42 tiêu chí.

3.3. Tổ chức khảo nghiệm

3.3.1. Mục đích

3.3.2. Đối tượng

3.3.3. Nội dung

3.3.4. Phương pháp khảo nghiệm

3.3.5. Công cụ khảo nghiệm

3.3.6. Quy trình khảo nghiệm

3.3.7. **Kết quả xin ý kiến chuyên gia về bộ tiêu chí:** xin ý kiến bằng phiếu của 60 người và bằng phỏng vấn 20 người.

3.3.8. **Kết quả khảo sát:** của chuyên gia đánh giá và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo của ABET, Hoa Kỳ và chuyên gia làm công tác kiểm định viên, cán bộ quản lý, giảng viên giảng dạy.

3.3.9. Nhận xét chung về kết quả khảo sát

- **Về ưu điểm:** Ý tưởng tốt, về cơ bản thì tất cả các tiêu chuẩn và tiêu chí được đưa ra đều được đánh giá là phù hợp, khách quan và tin cậy ở các mức độ khác nhau.

- **Nhược điểm:** Phiếu khảo sát chia theo 3 mức độ dẫn đến sự cách biệt giữa 3 mức là quá cao, các tiêu chí đánh giá còn mang tính định tính nhiều, không lượng hóa được nội dung tiêu chí, có một số chỗ lỗi kỹ thuật, chưa nhất quán trọng cách trình bày; cần làm rõ tính khách quan, lựa chọn đội ngũ đánh giá.

3.3.10. Điều chỉnh bộ tiêu chí đánh giá chương trình

3.4. Đề xuất bộ tiêu chí đánh giá CTTT khối ngành Kỹ thuật tại Việt Nam

TIÊU CHUẨN 1: SINH VIÊN

1. Mô tả chung về tiêu chuẩn

Chương trình đào tạo phải đánh giá được toàn bộ quá trình học tập của sinh viên. Sinh viên được tư vấn về chương trình đào tạo, nghề nghiệp và theo dõi sự tiến bộ của sinh viên để giúp họ đạt được mục tiêu của chương trình. Chương trình có các chính sách nhằm tuyển sinh sinh viên mới với chính sách tuyển sinh rõ ràng, tiếp nhận sinh viên chuyển tiếp và công nhận điểm của sinh viên chuyển tiếp. Chương trình phải có danh mục những thủ tục, hệ thống văn bản, cụ thể hóa những yêu cầu và quy trình nhập học của 1 sinh viên đảm bảo sinh viên có thể đáp ứng được yêu cầu của chương trình. Định kỳ xem xét và bổ sung các tiêu chuẩn tuyển sinh phù hợp.

2. Tiêu chí

Tiêu chí 1: Tuyển sinh

Có yêu cầu về điều kiện và quy trình nhập học rõ ràng đối với một tân sinh viên.

Tiêu chí 2: Đánh giá sinh viên

Tổ chức đánh giá chất lượng đầu vào của sinh viên để định hướng cho việc tổ chức quá trình đào tạo phù hợp với từng đối tượng, đánh giá quá trình theo từng môn học cụ thể và quyết định xử lý học vụ đối với sinh viên, đánh giá sinh viên tốt nghiệp và công nhận kết quả tốt nghiệp của sinh viên.

Đánh giá sự tiến bộ của sinh viên trong suốt quá trình học tập, hồ sơ năng lực sinh viên tốt nghiệp được xây dựng theo hướng tiếp cận chuẩn đầu ra của chương trình.

Đánh giá toàn diện về kiến thức, kỹ năng, thái độ học tập, rèn luyện của sinh viên trên cơ sở đảm bảo tính khách khách quan và phù hợp với mục tiêu đề ra.

Tiêu chí 3: Hợp tác quốc tế về chương trình và trao đổi sinh viên

Có ít nhất 20% các học phần mời chuyên gia nước ngoài giảng dạy trên cơ sở thực hiện đúng các yêu cầu về chuyên môn và cơ sở pháp lý của Việt Nam.

Có quy định về quy trình tiếp nhận, trao đổi sinh viên giữa Việt Nam và nước ngoài học tập các học phần của CTTT.

Tiêu chí 4: Tư vấn và định hướng nghề nghiệp

Công tác tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên được thực hiện định kỳ, liên tục đến tất cả sinh viên với quy trình, nội dung tư vấn đầy đủ rõ ràng. Đảm bảo rằng mọi hoạt động tư vấn hỗ trợ đều đạt hiệu quả hữu ích đối với sinh viên.

Tiêu chí 5: Các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp của sinh viên

Tổ chức các hoạt động học tập ngoài trường song song với quá trình học tập nhằm tích lũy kinh nghiệm thực tế như trải nghiệm thực tế nghề nghiệp, cuộc sống, tham gia các hoạt động xã hội, các khóa đào tạo quân sự, các hoạt động tại cơ sở sản xuất, v.v... với nội dung từng hoạt động rõ ràng, có đề xuất đầu ra và đánh giá kết đầu ra của các loại hình hoạt động trải nghiệm.

Tổ chức các hoạt động tại trường theo hướng tiếp cận phát triển năng lực và hình thành những kỹ năng giải quyết những vấn đề của thực tế sau khi sinh viên tốt nghiệp.

Tiêu chí 6: Danh mục các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp, điểm luận văn tốt nghiệp

Có danh mục các học phần thay thế đồ án tốt nghiệp.

Tiêu chí 7: Điều kiện tốt nghiệp

Có quy định về số tín chỉ tích lũy toàn bộ quá trình, điểm tích lũy tối thiểu cần đạt được trong suốt quá trình học tập, yêu cầu hồ sơ năng lực, các văn bằng chứng chỉ kèm theo như chứng nhận quân sự, chứng chỉ ngoại ngữ và các chứng chỉ khác đối với sinh viên xin tốt nghiệp.

Có bảng điểm của lần tốt nghiệp.

Tiêu chí 8: Tính trung thực của sinh viên

Đầu mỗi học kỳ phải tổ chức ít nhất một hoạt động thực tế nhằm giáo dục chính trị tư tưởng, khơi dậy tình yêu tổ quốc, trách nhiệm với xã hội và gia đình, bền bỉ rèn luyện các đức tính tốt cho sinh viên. Quy định rõ ràng về những việc được làm, không được làm và chế tài xử lý nghiêm nếu sinh viên vi phạm.

TIÊU CHUẨN 2: MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mô tả chung

Mục tiêu đào tạo được công bố công khai, nhất quán với sứ mạng, mục tiêu chiến lược, tầm nhìn của cơ sở đào tạo, hướng tới yêu cầu của thị trường lao động chất lượng cao. Mục tiêu đào tạo thể hiện rõ các yêu cầu về chuẩn đầu ra của sinh viên khi tốt nghiệp về kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí việc làm, trình độ ngoại ngữ, tin học, v.v. Quy trình rà soát mục tiêu đào tạo và định kỳ tiến hành rà soát mục tiêu đào tạo nhằm đảm bảo các mục tiêu đào tạo được xây dựng trên cơ sở căn cứ vào nhu cầu của các nhóm đối tượng khác nhau của chương trình và mức độ đạt được các mục tiêu đặt ra.

2. Tiêu chí

Tiêu chí 1: Sứ mạng, mục tiêu chiến lược của Nhà trường

Mục tiêu đào tạo thể hiện sự nhất quán với sứ mạng, nhiệm vụ chiến lược, tầm nhìn và mục tiêu Nhà trường và khoa chuyên môn.

Tiêu chí 2: Mục tiêu chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra sinh viên cần đạt được

Mục tiêu đào tạo nêu rõ các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, sinh viên cần đạt được sau khi kết thúc chương trình đào tạo. Mục tiêu đào tạo thể hiện được mục tiêu của từng modul kiến thức hay từng học phần trong chương trình đào tạo và được công khai học trong niên giám và đề cương học phần.

Tiêu chí 3: Sự nhất quán của mục tiêu chương trình với chuẩn đầu ra và nhiệm vụ của Nhà trường

Mục tiêu chương trình đào tạo và mục tiêu của học phần phải đáp ứng chuẩn đầu ra đã công bố khi sinh viên tốt nghiệp về phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu của chuẩn năng lực cơ bản của nghề; vị trí việc làm; trình độ ngoại ngữ; tin học, mục tiêu phát triển cộng đồng, kỹ năng giải quyết các vấn đề của kỹ thuật nhằm đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Nội dung chuẩn đầu ra phù hợp với yêu cầu sử dụng kỹ sư của ngành kỹ thuật phù hợp thực tiễn địa phương, của thị trường lao động Việt Nam và hội nhập khu vực, quốc tế.

Tiêu chí 4: Lực lượng tham gia xây dựng chương trình đào tạo

Xây dựng được quy trình và thể hiện rõ vai trò của các lực lượng tham gia xây dựng chương trình ở từng khâu như vai trò của nhà quản lý, giảng viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng trong việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo.

Tiêu chí 5: Quy trình rà soát mục tiêu chương trình đào tạo

Hàng năm, Nhà trường phải tiến hành rà soát, điều chỉnh mục tiêu đào tạo, bổ sung theo hướng cải tiến và nâng cao chất lượng song vẫn đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ chiến lược của Nhà trường, thể hiện rõ vai trò, cách tổ chức rà soát, điều chỉnh mục tiêu đào tạo đối với các cấp quản lý, giảng viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, thị trường lao động trong việc rà soát mục tiêu chương trình đào tạo.

TIÊU CHUẨN 3: CHUẨN ĐẦU RA CỦA SINH VIÊN

1. Mô tả chung

Chuẩn đầu ra phải đạt được kết quả mong đợi về học thuật, nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên nhằm đáp ứng được nhu cầu của người học và người sử dụng lao động.

2. Tiêu chí

Tiêu chí 1: Chuẩn đầu ra được công bố theo hướng tiếp cận năng lực

Chuẩn đầu ra của chương trình được trình bày rõ ràng, nêu rõ các yêu cầu về: khả năng áp dụng các kiến thức toán học, khoa học và kỹ thuật vào giải quyết các vấn đề kỹ thuật cụ thể; khả năng NCKH thông qua việc thiết kế và tiến hành các thí nghiệm, cũng như phân tích và giải thích dữ liệu; khả năng thiết kế một hệ thống, một thành phần, một quá

trình để đáp ứng các yêu cầu mong muốn với sự ràng buộc thực tế như về kinh tế, môi trường, xã hội, chính trị, đạo đức, sức khỏe và sự an toàn, có thể sản xuất được và có tính bền vững; khả năng hoạt động nhóm liên ngành; khả năng tự chịu trách nhiệm, nhận diện, diễn đạt và giải quyết các vấn đề kỹ thuật; sự hiểu biết về nghề nghiệp, trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp; khả năng giao tiếp hiệu quả; khả năng giải quyết các vấn đề kỹ thuật phù hợp với thực tiễn kinh tế, môi trường và xã hội toàn cầu; nhận thức về sự cần thiết và năng lực học tập trọn đời; kiến thức về các vấn đề đương đại; khả năng sử dụng các phương pháp, kỹ năng và công cụ kỹ thuật hiện đại cần thiết cho thực hành kỹ thuật.

Tiêu chí 2: Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo

Trình bày rõ ràng mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của sinh viên sắp tốt nghiệp với mục tiêu chương trình đào tạo, mối quan hệ giữa mục tiêu của từng học phần và chuẩn đầu ra, mối quan hệ giữa mục tiêu của modul kiến thức và chuẩn đầu ra. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra nhằm thúc đẩy quá trình học tập suốt đời của sinh viên.

TIÊU CHUẨN 4: CẢI TIẾN LIÊN TỤC

1. Mô tả chung

Trình bày rõ ràng kết quả đánh giá đầu vào, quá trình và tốt nghiệp để khẳng định sự phát triển liên tục của sinh viên. Chuẩn đầu ra của chương trình thường xuyên được rà soát, hoàn thiện, điều chỉnh và đánh giá theo một quy trình xác định, kết quả đánh giá phải được ghi lại thành văn bản. Quy trình đánh giá phải thể hiện rõ chuẩn đầu ra đã được cải tiến liên tục và mức độ hoàn thiện. Có bằng chứng cho thấy kết quả đánh giá chương trình được sử dụng để cải tiến chương trình đào tạo.

2. Tiêu chí

Tiêu chí 1: Chuẩn đầu ra của từng học phần và cả quá trình đào tạo

Liệt kê dữ liệu đánh giá thường xuyên trong suốt quá trình học tập của sinh viên để tạo động lực cho sinh viên phát triển, các kỳ đánh giá năng lực sinh viên qua từng giai đoạn, hình thức và tiêu chí đánh giá. Hồ sơ năng lực của sinh viên qua từng giai đoạn học tập, kết quả tích lũy và mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của sinh viên ở từng môn học. Hồ sơ đánh giá kết quả thực hành, thực tế, thực tập và đồ án tốt nghiệp của sinh viên, mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của từng hoạt động. Hồ sơ năng lực của sinh viên tốt

nghiệp cuối khóa thể hiện sự đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và đạt được mục tiêu đào tạo đề ra. Các kết quả đánh giá và hồ sơ năng lực của sinh viên được lưu giữ như thế nào?

Tiêu chí 2: Kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch cải tiến, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo hàng năm

Mô tả việc sử dụng kết quả đánh giá đầu vào đối với việc tổ chức đào tạo và cải tiến chương trình đào tạo, việc giảng viên sử dụng sử dụng kết quả đánh giá thường xuyên trong đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, việc sử dụng kết quả đánh giá định kỳ, đánh giá tổng kết để phát triển chương trình môn học trong quá trình đào tạo.

Mô tả việc sử dụng kết quả đánh giá chuẩn đầu ra của sinh viên tốt nghiệp để cải tiến, phát triển chương trình đào tạo.

Kế hoạch phát triển chương trình môn học của giảng viên, Nhà trường qua từng năm học, từng khóa đào tạo. Kế hoạch phát triển chương trình nhà trường trong tương lai.

Tiêu chí 3: Hệ thống giám sát và công cụ giám sát

Mô tả việc giám sát đầu vào, giám sát quá trình và kết quả đầu ra. Các công cụ khảo sát đầu vào, định kỳ, thường xuyên. Công cụ khảo sát, đánh giá sinh viên tốt nghiệp, tự đánh giá chương trình đào tạo của nhà trường. Các lực lượng tham gia đánh giá.

Tiêu chí 4: Việc triển khai tự đánh giá của Nhà trường

Mô tả việc triển khai tự đánh giá thường xuyên của Nhà trường.

TIÊU CHUẨN 5: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mô tả chung

Chương trình đào tạo bao gồm các học phần thể hiện các chủ đề phù hợp với kỹ thuật chứ không quy định các môn học cụ thể. Chương trình đào tạo phải có cấu trúc hợp lý bảo đảm bố trí đủ nội dung kiến thức và thời gian cho mỗi chủ đề kỹ thuật, nhất quán với các kết quả kỳ vọng, mục tiêu đặt ra của chương trình và cơ sở đào tạo gồm thời gian cho việc học các học phần toán và các khoa học cơ bản phù hợp với ngành học, thời gian học kiến thức ngành mà cụ thể là khoa học và thiết kế kỹ thuật phù hợp với ngành học. Khoa học kỹ thuật phải dựa trên nền tảng của toán học và khoa học cơ bản nhưng cũng sử dụng các kiến thức sâu hơn về sự ứng dụng sáng tạo. Sinh viên được cung cấp cân bằng giữa toán học, khoa học cơ bản và thực hành kỹ thuật, thời gian kiến thực chuyên sâu cho các nội dung kỹ thuật của các học phần. Việc bố trí chương trình đào tạo phải đảm bảo tính nhất quán với các mục tiêu của chương trình và

cơ sở đào tạo. Bổ sung các kiến thức xã hội, nâng cao tính nhân văn trong chương trình đào tạo.

2. Tiêu chí

Tiêu chí 1: Chương trình phản ánh tầm nhìn, mục tiêu của Nhà trường

Chương trình đào tạo phải thể hiện tầm nhìn, mục tiêu, nhiệm vụ, mục đích của Nhà trường và được phổ biến rộng rãi cho toàn thể CBVC, giảng viên và sinh viên biết.

Tiêu chí 2: Chương trình đào tạo thể hiện tính cập nhật, tính hiện đại

Chương trình đào tạo phải thể hiện tính cập nhật, hiện đại của hệ thống kiến thức mới nhằm hình thành tư duy giải quyết vấn đề của thực tế cho sinh viên. Nội dung kiến thức cho từng học phần phải đáp ứng được yêu cầu của Nhà tuyển dụng.

Tiêu chí 3: Nội dung chương trình đào tạo

Nội dung chương trình đào tạo phải thể hiện được sự thống nhất giữa chương trình đào tạo với mục tiêu đào tạo, sự cân đối, phối hợp và tăng cường giữa các khối kiến thức (cơ sở và ngành, chuyên ngành). Chương trình phải nêu rõ các học phần tiên quyết, học phần song hành, môn cơ sở, môn trung gian, môn chuyên ngành, đồ án, đề án, .v.v và yêu cầu triển khai các học phần này. Chương trình đào tạo cũng trình bày rõ cách thức của việc bố trí nội dung chương trình, thời gian, sự kết nối và cách tổ chức các học phần nhằm hỗ trợ cho việc đạt chuẩn đầu ra của sinh viên và đảm bảo được tính liên thông dọc và ngang.

Tiêu chí 4: Đề cương môn học

Đề cương môn học phải chỉ rõ mục tiêu chung và mục tiêu thành phần của từng tiêu môđul kiến thức ứng với 3 cấp độ khác nhau. Đề cương môn học phải thể hiện rõ phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, cách thức học tập của sinh viên, lịch trình học tập của sinh viên địa điểm và thời gian thực hiện, sản phẩm sinh viên cần đạt được, các tiêu chí, phương pháp đo đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Đề cương học phần phải có tác dụng định hướng cho hoạt động tự học và tự nghiên cứu của sinh viên, phải mô tả được ma trận của mục tiêu theo các cấp độ mà sinh viên cần đạt được và có chỉ dẫn cho sinh viên hình thức và tiêu chí đánh giá, định hướng các hình thức học tập.

Tiêu chí 5: Thực hành, thực tập

Chương trình phải nêu rõ yêu cầu về nội dung và cách thức tổ chức việc thực hành, thực tập kỹ thuật của sinh viên trên cơ sở dựa

vào những kiến thức, kỹ năng thu được của các học phần cơ bản, sự kết hợp các tiêu chuẩn kỹ thuật và đa dạng của thực tế.

Tiêu chí 6: Đánh giá

Chương trình đào tạo phải thể hiện được hình thức và tỷ trọng đánh giá của từng học phần, thể hiện khả năng tự đánh giá thông qua chuẩn đầu ra của chương trình.

TIÊU CHUẨN 6: ĐỘI NGŨ

1. Mô tả chung

Nhà trường phải đảm bảo đội ngũ giảng viên đủ về số lượng và có khả năng giảng dạy tất cả các học phần của chương trình, có đủ giảng viên cho việc tương tác giảng viên - sinh viên, cố vấn sinh viên, các hoạt động dịch vụ, phát triển nghề nghiệp, tương tác với các doanh nghiệp và người sử dụng lao động.

Giảng viên phải có đủ các phẩm chất phù hợp và có đủ thẩm quyền để tổ chức chương trình, thực hiện các quá trình đánh giá và cải thiện liên tục của chương trình đảm bảo thực hiện các mục tiêu của chương trình. Giảng viên được lựa chọn dựa trên các yếu tố như quá trình đào tạo, chuyên ngành, kinh nghiệm nghiên cứu và giảng dạy, khả năng giao tiếp, sự nhiệt tình để phát triển chương trình hiệu quả hơn, cấp độ học giả và sự tham gia vào các hiệp hội nghề nghiệp.

2. Tiêu chí

Tiêu chí 1: Chất lượng đội ngũ

Giảng viên phải đáp ứng được chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trình độ của giảng viên đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo như khả năng thiết kế chương trình đào tạo, sử dụng các phương pháp dạy và học khác nhau, khả năng sử dụng máy tính, thiết bị giảng dạy, kỹ năng đánh giá sinh viên và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Tiêu chí 2: Trách nhiệm của người giảng viên

Nhà trường quy định rõ vai trò, trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của người giảng viên đối với Nhà trường, khoa chuyên môn và hoạt động giảng dạy trong đó đề cập rõ đến thẩm quyền của người giảng viên trong việc sửa đổi, đánh giá và phát triển học phần, vai trò của giảng viên trong việc xác định và sửa đổi các mục tiêu chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra.

Tiêu chí 3: Phát triển năng lực chuyên môn

Hàng năm, Nhà trường yêu cầu Khoa tóm tắt khối lượng công việc của giảng viên gồm giảng dạy, NCKH và tự bồi dưỡng của từng giảng viên, đánh giá kết quả hoàn thành công việc của giảng viên. Nhà trường cũng có quy định rõ ràng về việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên thông qua việc phát triển các hoạt động chuyên môn, ngoại ngữ, phương pháp giảng dạy cho giảng viên.

Tiêu chí 4: Cơ cấu của khoa

Thể hiện đầy đủ các thông số liên quan đến giảng viên của Khoa, những biến động trong số lượng, mức độ và chất lượng của giảng viên của Khoa. Số thời gian, chất lượng của việc tương tác giữa giảng viên với sinh viên như tư vấn sinh viên, các hoạt động dịch vụ, phát triển chuyên môn, v.v...

TIÊU CHUẨN 7: CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Mô tả chung

Nhà trường đảm bảo cơ sở vật chất cho việc tổ chức các hoạt động giảng dạy và học tập. Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị đi kèm phải đầy đủ để thực hiện các mục tiêu đào tạo và để tạo môi trường thuận lợi cho người học. Cơ sở vật chất (thiết bị hiện đại, nguồn học liệu, phòng thí nghiệm .v.v.) phải đủ để phục vụ cho việc tương tác giữa giảng viên và sinh viên, tạo điều kiện cho sự phát triển và hoạt động chuyên nghiệp. Sinh viên phải có những hướng dẫn để có thể sử dụng các thiết bị, dụng cụ, nguồn học liệu và thư viện. Hạ tầng thông tin và máy tính phải có để hỗ trợ các hoạt động học thuật của sinh viên, Khoa chuyên môn và hỗ trợ các mục tiêu đào tạo của chương trình và cơ sở đào tạo.

2. Tiêu chí

Tiêu chí 1: Phòng làm việc, phòng học và phòng thí nghiệm

Nhà trường có hệ thống cơ sở vật chất tốt phục vụ cho mỗi chương trình theo khả năng hỗ trợ chuẩn đầu ra cho sinh viên và tạo môi trường học tập lý tưởng như phòng làm việc (như là phòng điều hành, khoa, trợ giảng) và bất kỳ thiết bị khác đều có thể sử dụng, phòng học và các thiết bị liên quan đều có thể dùng để giảng dạy, phòng thí nghiệm bao gồm máy tính (mô tả phần cứng và phần mềm) và các dụng cụ, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, sách các thiết bị sử dụng trong chương trình.

Tiêu chí 2: Tài nguyên Máy tính

Hệ thống tài nguyên máy tính (máy trạm, máy chủ, lưu trữ, mạng bao gồm cả phần mềm) đảm bảo phục vụ tốt cho sinh viên của chương trình. Sinh viên có cơ hội tiếp cận với các nguồn tài nguyên máy tính qua nhiều địa điểm như ký túc xá, thư viện, hội sinh viên, ngoài trường, v.v... Nhà trường chỉ ra thời gian các tài nguyên máy tính được mở cho sinh viên sử dụng và đánh giá tính đầy đủ của các cơ sở này để hỗ trợ các hoạt động học thuật và chuyên sâu của sinh viên và giảng viên trong chương trình.

Tiêu chí 3: Hướng dẫn sử dụng

Sinh viên trong chương trình được định hướng tốt trong việc sử dụng các dụng cụ, thiết bị, nguồn tài nguyên máy tính và thiết bị thí nghiệm.

Tiêu chí 4: Bảo trì và nâng cấp thiết bị

Trang thiết bị, công cụ, thiết bị, tài nguyên máy tính và các phòng thí nghiệm phục vụ chương trình được định kỳ sửa chữa, bảo trì và nâng cấp đảm bảo phục vụ tốt cho sinh viên và giảng viên trong chương trình.

Tiêu chí 5: Dịch vụ Thư viện

Thư viện có đủ sách, tài liệu để phục vụ cho chương trình bao gồm cả dạng bản cứng và bản mềm, các thiết bị, công cụ tìm tài liệu giảng dạy và học tập hiệu quả, khả năng đáp ứng yêu cầu đặt mua sách, thu thập dữ liệu điện tử và bất kỳ dịch vụ thư viện khác có liên quan đến các nhu cầu của chương trình.

Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất phục vụ ngoài giờ học của SV

Hệ thống các thiết bị phục vụ cho sinh viên ngoài giờ lên lớp như hệ thống sân chơi, sân vận động, phòng tập và các khu dịch vụ phục vụ sinh viên. Đảm bảo đáp ứng nhu cầu ký túc xá cho sinh viên.

TIÊU CHUẨN 8: HỖ TRỢ CỦA TỔ CHỨC

1. Mô tả chung

Phải có đủ sự hỗ trợ của cơ sở đào tạo, các nguồn tài chính, sự lãnh đạo mang tính xây dựng để bảo đảm chất lượng và tính liên tục của chương trình. Các nguồn tài nguyên phải có đủ để thu hút, giữ lại và tạo điều kiện cho sự phát triển nghề nghiệp liên tục của giảng viên với phẩm chất cao. Các nguồn tài nguyên cũng đủ để thu thập, bảo trì và vận hành cơ sở vật chất và các thiết bị phù hợp với chương trình kỹ

thuật. Ngoài ra, nhân sự hỗ trợ và các dịch vụ của cơ sở đào tạo phải đủ để đáp ứng các yêu cầu của chương trình.

Sự hỗ trợ của tổ chức được thể hiện thông qua các nội dung: lãnh đạo, ngân sách và hỗ trợ tài chính, nhân sự, đào tạo cán bộ và việc hỗ trợ phát triển khoa chuyên môn.

2. Tiêu chí

Tiêu chí 1: Lãnh đạo

Mô tả sự lãnh đạo đối với chương trình đào tạo và thảo luận đầy đủ để đảm bảo chất lượng và tính liên tục của các chương trình và cách thức lãnh đạo đang tham gia vào các quyết định có ảnh hưởng đến chương trình.

Tiêu chí 2: Tài chính

Mô tả các quá trình sử dụng để lập ngân sách của chương trình và cung cấp bằng chứng về sự liên tục của các quy chế hỗ trợ cho chương trình. Liệt kê các nguồn hỗ trợ tài chính cả cố định (định kỳ) và các quỹ (một lần) tạm thời.

Mô tả cách thức giảng dạy được hỗ trợ bởi tổ chức trong điều kiện của sinh viên lớp, trợ giảng, hội thảo giảng dạy.v.v.

Trong phạm vi không được mô tả ở trên, mô tả tài nguyên được hiện có, duy trì và nâng cấp cơ sở hạ tầng, phương tiện và thiết bị được sử dụng trong chương trình.

Đánh giá tính đầy đủ của các nguồn tài nguyên được mô tả trong phần này đối với các sinh viên trong chương trình có khả năng đạt chuẩn đầu ra.

Tiêu chí 3: Nhân sự

Chiến lược phát triển nhân sự của của Nhà trường bao gồm cả đội ngũ giảng viên và nhân viên (hành chính, giảng dạy và kỹ thuật viên, v.v...). Mô tả công việc của họ. Nêu ra các chính sách được triển khai nhằm sử dụng và đào tạo cán bộ cho mục tiêu phát triển chương trình đào tạo, cung cấp dịch vụ cho chương trình. Các biện pháp được Nhà trường sử dụng để giữ chân giảng viên, CBVC có trình độ làm việc lâu dài cho Nhà trường.

Tiêu chí 4: Hỗ trợ phát triển chuyên môn của Khoa

Mô tả đầy đủ hỗ trợ cho giảng viên phát triển chuyên môn, cách thức hoạt động như tư vấn hướng dẫn đồng nghiệp, dự giờ chuyên môn, seminar chuyên đề, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, tham quan học tập tại cơ sở bạn, hội thảo, v.v... được lên kế hoạch và hỗ trợ.

TIÊU CHUẨN 9: PHẢN HỒI CỦA ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

1. Mô tả chung

Nhà trường được khuyến khích xây dựng chương trình đào tạo có sự tham gia của người sử dụng lao động. Sau đó, lấy phản hồi của người sử dụng lao động để nhận biết thông tin về chất lượng lao động, sự thỏa mãn của nhà sử dụng lao động đối với CTĐT và chất lượng đầu ra, sử dụng ý kiến phản hồi của người sử dụng lao động để phát triển hồ sơ năng lực của sinh viên tốt nghiệp và phát triển chương trình đào tạo, hoàn thiện năng lực giảng viên, đổi mới phương pháp hình thức tổ chức đào tạo.

2. Tiêu chí

Tiêu chí 1: Sự tham gia của người sử dụng lao động đối với việc xây dựng chương trình đào tạo.

Chương trình đào tạo thể hiện sự đóng góp ý kiến của các cá nhân đối với việc điều chỉnh và cập nhật những yêu cầu của thực tế thị trường lao động đối với chương trình đào tạo.

Tiêu chí 2: Sự phản hồi về chất lượng sinh viên

Nhà trường thu thập sự phản hồi về chất lượng thực tế của sinh viên tốt nghiệp của Nhà trường, tổng hợp kết quả về sinh viên tốt nghiệp của Nhà trường đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng. Nhà trường có kế hoạch cập nhật những kiến thức mới, xu hướng khoa học của quốc tế nhằm điều chỉnh quá trình giảng dạy.

Tiêu chí 3: Phản hồi từ cựu sinh viên và thị trường lao động

Phản hồi từ cựu sinh viên và thị trường lao động giúp Nhà trường điều chỉnh chương trình đào tạo để đảm bảo chất lượng đầu ra cho sinh viên.

3.5. Hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn đánh giá

Hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn đánh giá được chia làm 3 bước: Bước 1: Tự đánh giá; Bước 2: Chuẩn bị minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá; Bước 3: Đánh giá ngoài.

Kết luận chương 3: Việc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá CTTT tại Việt Nam được tiến hành theo các bước, trên cơ sở tham khảo, kế thừa nội dung, cách thức tổ chức đánh giá của các bộ công cụ đánh giá tiên tiến trên thế giới và khu vực. Tác giả luận án đã tiến hành xây dựng tiêu chí, khảo

nghiệm, điều chỉnh và đề xuất một bộ tiêu chí đánh giá CTTT ở Việt Nam. Về bản chất bộ tiêu chí đã tập trung làm rõ hơn vào các tiêu chí đánh giá cho phù hợp với các điều kiện thực hiện ở Việt Nam.

Chương 4

THỬ NGHIỆM BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIÊN TIẾN KHỐI NGÀNH KỸ THUẬT Ở VIỆT NAM

4.1. Mục đích thử nghiệm: Thực tiễn hóa bộ tiêu chí nhằm phát hiện ra những điểm hạn chế còn tồn tại thông qua thực tế đánh giá và đánh giá chất lượng, hiệu quả của bộ tiêu chí.

4.2. Đối tượng thử nghiệm: đánh giá 2 CTTT ngành Kỹ thuật Cơ khí và Kỹ thuật Điện ở 2 tiêu chuẩn và 9 tiêu chí.

4.3. Phạm vi thử nghiệm: 02 CTTT ngành Kỹ thuật Cơ khí và Kỹ thuật Điện tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên.

4.4. Phương pháp thử nghiệm

Lựa chọn từ 1-2 chương trình đào tạo tiên tiến đang triển khai để tổ chức đánh giá; lựa chọn 2/9 tiêu chuẩn để làm công cụ đánh giá; xây dựng báo cáo tự đánh giá và minh chứng; mời đoàn đánh giá ngoài; so sánh kết quả của tự đánh giá và kết quả của đánh giá ngoài; phân tích kết quả so sánh và kiến nghị (nếu có).

4.5. Nội dung thử nghiệm

4.5.1. Lựa chọn chương trình đào tạo tiên tiến để tổ chức đánh giá

4.5.2. Lựa chọn tiêu chuẩn làm công cụ đánh giá

4.5.3. Xây dựng báo cáo tự đánh giá và minh chứng

4.5.4. Mời đoàn đánh giá ngoài

Kết quả đánh giá ngoài

Tiêu chuẩn	Số tiêu chí	Số tiêu chí đạt	Số tiêu chí chưa đạt
Tiêu chuẩn 1	8	6	2
Tiêu chuẩn 3	2	2	0

4.6. So sánh kết quả của báo cáo tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài

Tổng hợp kết quả theo tự đánh giá và đánh giá ngoài

Tiêu chuẩn	Số tiêu chí	KQ tự đánh giá		KQ đánh giá ngoài	
		Số tiêu chí đạt	Số tiêu chí chưa đạt	Số tiêu chí đạt	Số tiêu chí chưa đạt
Tiêu chuẩn 1	8	8	0	6	2
Tiêu chuẩn 3	2	2	0	2	0

4.7. Phân tích kết quả so sánh và kiến nghị (nếu có)

Kết quả chênh lệch trong giới hạn cho phép, tuy nhiên, tỷ lệ trung bình trung theo thang đánh giá mức độ cần thiết cao hơn 0,5 vì vậy cần phải được thử nghiệm hết các tiêu chuẩn và phát triển nghiên cứu trong các chương trình tiếp theo trước khi đưa vào ứng dụng.

Kết luận chương 4: tác giả đã tiến hành thử nghiệm bộ tiêu chí với 2 tiêu chuẩn của 2 chương trình tiên tiến ngành Kỹ thuật Cơ khí và Kỹ thuật Điện. Tác giả cũng đề nghị được tiếp tục thử nghiệm hết các tiêu chuẩn và phát triển nghiên cứu trong các chương trình tiếp theo.

KẾT LUẬN

1. Kết luận

Việc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá CTTT khối ngành Kỹ thuật ở Việt Nam là việc làm đúng đắn, cần thiết. Ngoài ra, bộ tiêu chí còn có vai trò tác động tích cực đến chất lượng đào tạo của các chương trình.

Từ việc nghiên cứu bộ tiêu chuẩn đánh giá ABET, thực trạng triển khai và đánh giá chất lượng CTTT, trên cơ sở xem xét kỹ các yếu tố về văn hóa, thực tiễn giáo dục đại học Việt Nam, nhóm tác giả đã tiến hành so sánh, đề xuất những khía cạnh cần được xây dựng vào bộ tiêu chí đánh giá CTTT khối ngành Kỹ thuật. Để kiểm chứng tính khả thi của các biện pháp chúng tôi cũng đã xin ý kiến của các chuyên gia và tiếp thu, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá và mời các chuyên gia đánh giá ngoài sử dụng bộ tiêu chí để đánh giá 2 trong 9 tiêu chuẩn đã được đề xuất.

Kết quả cho thấy các tiêu chuẩn, tiêu chí cơ bản đã bám sát được thực tiễn giáo dục và nhận được sự phản hồi tích cực về tính khoa học, tính hiện thực và tính khả thi. Nếu thực hiện tốt, đồng bộ và định kỳ

đánh giá thì sẽ là cơ sở giúp cho các chương trình kiểm soát, điều chỉnh và nâng cao chất lượng đào tạo, làm cơ sở cho việc cải tiến liên tục chương trình, thay đổi tư duy về kiểm định chất lượng đào tạo. Tóm lại, kết quả nghiên cứu thu được cho thấy việc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá CTTT được thực hiện bài bản, phù hợp với đề xuất trước đó. Phần tự đánh giá của một số tiêu chuẩn cho thấy việc làm này cần được thực hiện thường xuyên và có hệ thống. Đề tài nghiên cứu đã giải quyết được các mục tiêu đề ra và có thể được xem xét sử dụng trong việc tự đánh giá chất lượng CTTT khối ngành Kỹ thuật tại Việt Nam.

2. Đề nghị và khuyến nghị

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của luận án, tác giả xin đề xuất một số đề nghị và khuyến nghị như sau:

- *Đề nghị đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo*: xem xét, đánh giá kết quả nghiên cứu của luận án để khuyến khích các trường đại học đang triển khai CTTT thuộc khối ngành kỹ thuật tự đánh giá, rút kinh nghiệm qua thực tế, tiếp tục hoàn thiện tiến tới chính thức ban hành bộ tiêu chí đánh giá chương trình đào tạo tiên tiến khối ngành Kỹ thuật ở Việt Nam.

- *Đề nghị đối với các trường đại học đang triển khai chương trình đào tạo tiên tiến khối ngành Kỹ thuật*: xem xét, có kế hoạch sử dụng bộ tiêu chí này trong việc tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo tiên tiến, phát huy những ưu điểm của chương trình, hạn chế và có kế hoạch khắc phục những tồn tại nhằm thực hiện tốt mục tiêu của Đề án “Đào tạo theo chương trình tiên tiến tại một số trường Đại học của Việt Nam giai đoạn 2008 - 2015”.

- *Khuyến nghị đối với các nghiên cứu tiếp theo*

Tiếp tục xây dựng bộ tiêu chí đánh giá CTTT đối với khối ngành Kỹ thuật ở cấp độ các chỉ báo và mở rộng hướng nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá CTTT chung có tất cả ngành đào tạo.